

ĐỀ SỐ 36

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI TIẾNG ANH LỚP 6

BÀI THI KSCL HỌC SINH GIỎI - NĂM HỌC 2012 - 2013

Trường PT Triệu

MÔN THI : TIẾNG ANH 6

Son

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

Khối THCS

I. Chọn từ cú phần gạch chõn phỏt õm khỏc với những từ cũn lại.

- | | | | | |
|-----|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| 1. | A. <u>call</u> | B. <u>fall</u> | C. <u>shall</u> | D. <u>wall</u> |
| 2. | A. <u>clown</u> | B. <u>down</u> | C. <u>own</u> | D. <u>town</u> |
| 3. | A. <u>above</u> | B. <u>glove</u> | C. <u>love</u> | D. <u>move</u> |
| 4. | A. <u>cow</u> | B. <u>show</u> | C. <u>know</u> | D. <u>throw</u> |
| 5. | A. <u>clear</u> | B. <u>dear</u> | C. <u>hear</u> | D. <u>pear</u> |
| 6. | A. <u>thank</u> | B. <u>that</u> | C. <u>this</u> | D. <u>those</u> |
| 7. | A. <u>cost</u> | B. <u>most</u> | C. <u>post</u> | D. <u>roast</u> |
| 8. | A. <u>arm</u> | B. <u>charm</u> | C. <u>farm</u> | D. <u>warm</u> |
| 9. | A. <u>come</u> | B. <u>home</u> | C. <u>some</u> | D. <u>none</u> |
| 10. | A. <u>cow</u> | B. <u>now</u> | C. <u>how</u> | D. <u>show</u> |

II. Chọn đáp án đúng nhất (A, B, C hoặc D) để hoàn thành các câu sau

1. My father is man.

- A. a old B. an old C. not young D. not very young
2. Is this an?
- A. umbrellas B. book C. eraser D. pen
3. How much is this of soap?
- A. bar B. bag C. box D. loaf
4. Bangkok is capital of Thailand.
- A. a B. one C. this D. the
5. There are buildings in his neighborhood.
- A. not B. no C. none D. any
6. I don't want much sugar in coffee. Just, please.
- A. little B. a little C. few D. a few
7. The weather is today than yesterday.
- A. much better B. very better C. too better D. so better
8. This is a photo of Miss Lan's house. To the right of house there is a well.
- A. the B. a C. his D. my
9. There's a good film the Rex Cinema tonight.
- A. on in B. on at C. in on D. in at
10. How do you go to school? I go to school
- A. on foot B. by foot C. with foot D. in foot

III. Cho dạng đúng của động từ trong ngoặc

1. They (not go) fishing in the Winter.
2. Tuan (play) video games now.

3. Don't make noise! I (do) my homework.
4. We should (protect) the environment.
5. The sky is very dark. I think it (rain).
6. There(be) some milk in the fridge.
7. Mai (have) Math on Monday, Wednesday and Friday.
8. Why don't we(go) to the beach and have good time there.
9. Lan (not play) soccer every day.
10. Mrs. Nga is a doctor. She(work) in a hospital.

IV. Tìm từ thích hợp điền vào mỗi chỗ trống để hoàn thành đoạn văn sau.

My(1)is Anh. I am twelve (2) old. I am a student at Le Loi School. I (3) in a small house in the country (4) my father, mother and my sister. (5)house is next to the lake. There (6)..... a large yard in front of the house and there are many trees behind (7)..... My father works in (8)..... factory in town. My mother (9) in a drugstore. The drugstore is between my father's factory (10) the police station.

V. Cho dạng đúng của từ trong ngoặc.

1. There are fourin my house. **(bookshelf)**
2. The photocopy is between the and the **(bake)** drugstore
3. Is your brother an.....? **(act)**
4. Mai's sister is a **(sing)**

5. We must be when we cross the road. **(care)**
6. This tree has a lot of green **(leaf)**
7. Is your father a? **(business)**
8. I'm Japanese. What's your ? **(nation)**
9. Air is a big problem in many cities in the world. **(pollute)**
10. Lee is from China. She is **(China)**

VI. Dùng từ gợi ý cho sẵn để viết thành câu hoàn chỉnh.

1. Toystore / between / bakery / bookstore /
.....
2. She / often / fishing / when / warm /
.....
3. Minh / school / three floors / and / classroom / third floor /
.....
4. There / three pictures / wall / Tan's room /
.....
5. Hoa / sister / listen / music / room / at the moment /
.....
6. Every / afternoon / school / Ba / housework / and / read / books /
.....
7. I / cold / and / want / hot / drink /

.....
8. Miss Chi / hair / long / short /?

..... ?

9. What time / you / family / breakfast /?

..... ?

10. What / you / do / this summer vacation /?

..... ?

VII. Viết lại các câu sau sao cho ý nghĩa không đổi bắt đầu với từ đó cho:

1. Does your class have twenty-five students?

→ Are there.....?

2. How much is a bowl of noodles?

→ How much

3. Carol doesn't live far from her office.

→ Carol lives

4. Mr. Minh has a daughter, Lan.

→ Mr. Minh is

5. What is the width of this river?

→ How.....?

6. My mother often drives to work.

→ My mother often goes

7. What is the price of a cake and an orange?

→ How.....?

8. That book belongs to Nam.

→ That is.....

9. My school has over 25 classrooms.

→ There.....?

10. Miss White's face is oval. It is small.

→ Miss White

The end

HƯỚNG DẪN CHẤM THI

Tổng: 20 điểm, cụ thể:

I. Chọn từ cú phần gạch chõn phõt õm khõc vớ những từ cũn lại.

(10 x 0.2 = 2.0)

1. C. <u>shall</u>	6. A. <u>thank</u>
2. C. <u>own</u>	7. A. <u>cost</u>
3. D. <u>move</u>	8. D. <u>warm</u>
4. A. <u>cow</u>	9. B. <u>home</u>
5. D. <u>pear</u>	10. D. <u>show</u>

II. Chọn đáp án đúng nhất (A, B, C hoặc D) để hoàn thành các câu sau.

(10 x 0.3 = 3.0)